

Bài 20: Con Mắt Của Mẹ

Thứ Hai: Tập Đọc



Suốt thời thơ ấu và cả khi lớn lên, lúc nào tôi cũng ghét mẹ tôi. Lý do là vì bà chỉ có một con mắt. Bà là đầu đề để bạn bè trong lớp chế giễu, châm chọc tôi. Một lần bà đến trường để kiểm tôi làm tôi phát怒. Ngày hôm sau, một đứa bạn học la lên: “*Ê, tao thấy rồi. Mẹ mày chỉ có một mắt!*” Tôi xấu hổ chỉ muốn chôn mình xuống đất. Ngày hôm đó đi học về tôi nói với bà: “*Mẹ chỉ muốn biến con thành trò cười!*”

Lớn lên, tôi lập gia đình và có mấy đứa con. Tôi nói dối vợ rằng mình mồ côi từ nhỏ. Tôi lén vợ thỉnh thoảng gửi một ít tiền về biếu mẹ, tự nhủ thế là đầy đủ bổn phận. Tôi buộc bà không được liên hệ gì với tôi.





Một ngày kia, mẹ bất chợt đến thăm. Khi thấy một bà già trông có vẻ lam lũ đứng trước cửa, mấy đứa con tôi có đứa cười nhạt, có đứa hoảng sợ. Vừa giận vừa lo vợ tôi biết chuyện, tôi quát: “Sao bà dám đến đây làm con tôi sợ thế? Đi khỏi đây ngay!” Mẹ tôi lặng lẽ quay đi.

Một hôm, nhân dịp đi công tác, tôi ghé qua căn nhà của mẹ, vì tò mò hơn là muốn thăm mẹ. Mấy người hàng xóm nói rằng mẹ tôi đã mất vài ngày trước đó và do không có thân nhân, chính phủ đã lo mai táng chu đáo. Tôi không nhỏ được lấy một giọt nước mắt.

Họ trao lại cho tôi một lá thư mẹ để lại cho tôi:

Con yêu quý,

Mẹ xin lỗi về việc đã làm cho các cháu phải sợ hãi. Mẹ ân hận vì đã làm con xấu hổ với bạn bè trong suốt thời gian con đi học ở đây.

Con biết không, hồi con còn nhỏ, con bị tai nạn và hỏng mắt một bên mắt. Mẹ không thể ngồi yên nhìn con lớn lên mà chỉ có một mắt, nên mẹ đã cho con con mắt của mẹ. Mẹ đã bán tất cả gia tài để bác sĩ có thể thay mắt cho con, nhưng chưa bao giờ mẹ hối hận về việc đó. Mẹ rất hãnh diện vì con đã nên người, và mẹ kiêu hãnh vì những gì mẹ đã làm được cho con. Con đã nhìn thấy cả một thế giới mới, bằng con mắt của mẹ, thay cho mẹ.

Mẹ yêu con lắm,

Mẹ.



Chú Thích

| | | | |
|-------------------|---------------------------|------------------|-------------------|
| Thơ ấu: | <i>young, tender</i> | Đầu đề: | <i>topic</i> |
| Châm chọc: | <i>taunting, sneering</i> | Căm ghét: | <i>hatred</i> |
| Mồ côi: | <i>orphan</i> | Liên hệ: | <i>to contact</i> |

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao người con trai lại ghét mẹ mình?

2. Một lần khi mẹ đến trường để kiểm anh ta, anh ta cảm thấy như thế nào?

3. Khi mẹ đến thăm gia đình anh, anh đối xử với bà ra sao?

4. Khi về thăm mẹ, anh được tin gì?

5. Người mẹ đã hy sinh cho anh như thế nào?

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn nghĩa thích hợp những từ sau.)

- _____ 1. Suốt thời **thơ ấu** và cả khi lớn lên, lúc nào tôi cũng ghét mẹ tôi. Từ “**thơ ấu**” có nghĩa là:
- a. Còn nhỏ, rất ít tuổi. b. Đã già. c. Đã trưởng thành.
- _____ 2. Bà là đầu đê để bạn bè trong lớp chế giễu, **châm chọc** tôi. Từ “**châm chọc**” có nghĩa là:
- a. An ủi. b. Khen ngợi. c. Xói móc, trêu tức.
- _____ 3. Một lần bà đến trường để kiểm tôi làm tôi phát **ngượng**. Từ “**ngượng**” có nghĩa là:
- a. Hãnh diện. b. Mắc cỡ, xấu hổ. c. Vui mừng.
- _____ 4. Tôi lén vợ thỉnh thoảng gửi một ít tiền về biếu mẹ, tự nhủ thế là **đầy đủ bổn phận**. Từ “**đầy đủ bổn phận**” có nghĩa là:
- a. Chưa làm tròn trách nhiệm. b. Đã làm tròn trách nhiệm. c. Giúp người khác.
- _____ 5. Tôi buộc bà không được **liên hệ** gì với tôi. Từ “**liên hệ**” có nghĩa là:
- a. Nhớ tới. b. Qua lại, tiếp xúc. c. Quên đi.
- _____ 6. Khi thấy một bà già trông có vẻ **lam lũ** đứng trước cửa, mấy đứa con tôi có đứa cười nhạo, có đứa hoảng sợ. Từ “**lam lũ**” có nghĩa là:
- a. Rách rưới. b. Sạch sẽ. c. Xa lạ.

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-20 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)



*Ba la dau de de ban be trong
lop che giuu, cham choc toi.*



*Toi len vo thinh thoang goi mot
it tien ve bieu me, tu nhu the la
day du bon phan.*



*Me da ban tat ca gia tai de bac
si co the thay mat cho con,
nhung chua bao gio me hoi
han ve viec do.*

Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc câu ở trang P-20 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)



Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-20 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)



Khi thấy một bà già trông có vẻ lăm lữ đứng trượt cửa, mấy đứa con tôi có đứa cười nhạo, có đứa hoảng sợ. (3 lỗi)

Mẹ không thể ngồi yên nhìn con lớn lên mà chỉ có một mắt, nên mẹ đã cho con con mắt của mẹ. (3 lỗi)



Thứ Năm: Tập Làm Văn – Tranh Luận

Hãy chọn một trong những đề sau và viết một bài tranh luận:

- Sự tranh đua tốt hay xấu?
- Có nên cho học sinh đánh giá các thầy cô không?

Bối Cảnh/Luận Đề:

| |
|--|
| |
|--|

CHUYỂN TIẾP

LUẬN ĐIỂM

CHI TIẾT

| CHUYỂN TIẾP | LUẬN ĐIỂM | CHI TIẾT |
|-------------|-----------|----------|
| | | |
| | | |

Kết Luận:

| |
|--|
| |
|--|

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

| | | | |
|------------------|--------------------------|------------------|----------------|
| Nhức: | <i>aching</i> | Sâu răng: | <i>cavity</i> |
| Nha sĩ: | <i>dentist</i> | Tránh: | <i>avoid</i> |
| Nhát gan: | <i>chicken, cowardly</i> | Phiền: | <i>bugging</i> |

Duy đang đau răng kinh khủng, nhưng anh ấy quyết không chịu đi gặp nha sĩ bởi vì đã mất can đảm sau một lần kia...



- Duy:** Úi da! Nhức răng quá!
Ouch! Such toothache!
- Vũ:** Có lẽ anh bị sâu răng rồi. Anh đã đi khám nha sĩ chưa?
Maybe you have a cavity. Have you gone to the dentist?
- Duy:** Chưa, chưa đi. Tôi sợ đi nha sĩ lắm. Tôi cố tránh gặp nha sĩ cho bằng được.
No, not yet. I'm afraid of going to a dentist. I try to avoid seeing a dentist at all costs.
- Vũ:** Làm gì mà nhát gan thế! Không đến nỗi tệ vậy đâu.
Why be such a chicken! It's not that bad.
- Duy:** Tôi không phải loại nhát gan, nhưng giá nào thì tôi cũng tránh cái ghế của nha sĩ.
I'm not a chicken, but at any cost, I will avoid the dentist's chair.
- Vũ:** Ngay cả cái răng đang làm phiền anh như vậy, anh cũng không đi sao?
Even with that tooth bugging you like that, you still won't go?
- Duy:** Đúng vậy!
Correct!

Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

| | | | |
|---------------|----------------|-------------------------|--------------------------|
| Twice: | <i>hai lần</i> | Brush: | <i>đánh răng</i> |
| Meal: | <i>bữa ăn</i> | Take great care: | <i>chăm sóc kỹ lưỡng</i> |

I go to the dentist twice every year.

I brush my teeth after every meal.

I take great care of my teeth.

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ **Ngày** _____